TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **139**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20/02/2019
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**
2. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 828/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 về việc "Tranh chấp về ly hôn " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 546/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Ông **Dương Cẩm H**, sinh năm: 1972.
Địa chỉ:, phường 1, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh H** , sinh năm: 1982.
Địa chỉ: ấp 4, xã P , huyện C , thành phố Hồ Chí Minh.

(ông Hoa và bà Hoa vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 30/10/2018 – nguyên đơn ông Dương Cẩm H trình bày: ông và bà Nguyễn Thị Thanh H chung sống với nhau từ năm 1999, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Tuy nhiên, vào năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà H tự ý bỏ nhà đi, bà Hoa không quan tâm đến cuộc sống gia đình,

cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ 2011 cho đến nay. Nay tình cảm không còn, ông H yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh H.

Về con chung: Ông Dương Cẩm H và bà Nguyễn Thị Thanh H có 02 con chung tên Dương Thuận N, sinh năm: 25/9/2000 (đã trưởng thành) và Dương Thuận H, sinh ngày: 09/02/2007. Hiện cả 02 trẻ đang sống chung với ông H, sau khi ly hôn, ông Hoa yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 trẻ không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Dương Cẩm H xác nhận không có.

Bà Nguyễn Thị Thanh H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà Hoa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Dương Cẩm H nộp đơn xin ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Thanh H. Bà Nguyễn Thị Thanh H hiện đang cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bà Nguyễn Thị Thanh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thanh H theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông Dương Cẩm H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Hoa theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời bà Nguyễn Thị Thanh H đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa ông Dương Cẩm H và bà Nguyễn Thị Thanh H nhưng bà Hoa không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Thanh H tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 1/2000 do Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/7/2000 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Dương Cẩm H và bà

Nguyễn Thị Thanh H là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Ông Dương Cẩm H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông và bà Thanh H không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Thanh H để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của ông Cẩm H thì giữa ông và bà Thanh H bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Như vậy, vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, bà Thanh H cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Dương Cẩm H đối với bà Nguyễn Thị Thanh H .

[6] Về con chung: ông Dương Cẩm H và bà Nguyễn Thị Thanh H có 02 con chung tên Dương Thuận N, sinh ngày 25/9/2000 (đã trưởng thành) và Dương Thuận H, sinh ngày 09/02/2007. Sau khi ly hôn, ông Cẩm H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Hưng và không yêu cầu bà Thanh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện trẻ H đang sống chung với ông Cẩm H, đồng thời tại biên bản lấy lời khai nếu ba mẹ không còn sống chung thì trẻ muốn sống với cha. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao trẻ Dương Thuận H, sinh ngày 09/02/2007 cho ông Cẩm H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Thanh H cho đến khi ông Cẩm H có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Dương Cẩm H xác nhận không có.

[8] Về án phí: Ông Dương Cẩm H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 203, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Dương Cẩm H đối với bà Nguyễn Thị Thanh H .

Ông Dương Cẩm H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh H .

Giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 1/2000 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/7/2000 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: ông Dương Cẩm H và bà Nguyễn Thị Thanh H có 02 con chung tên Dương Thuận N, sinh ngày 25/9/2000 (đã trưởng thành) và Dương Thuận H, sinh ngày 09/02/2007. Giao trẻ H cho ông Dương Cẩm H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Nguyễn Thị Thanh H cho đến khi ông Hoa có yêu cầu.

Bà Nguyễn Thị Thanh H có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Dương Cẩm H xác nhận không có.

4. Về án phí: Ông Dương Cẩm H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông Cẩm H đã nộp theo biên lai thu số 0005384 ngày 26/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông Dương Cẩm H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Kim Định